| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GIỒNG TRÔM**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 138/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2024
*V/v: Ly hôn*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Hồng Đang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Thành Đông.

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Bình Nguyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2024/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 322/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Ngô Kim T, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: 361 ấp Phú T, xã Thuận Đ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

*2. Bị đơn:* Ông Cao Văn M, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: ấp Phú T, xã Thuận Đ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bà T, ông M vắng mặt (bà Thuỷ, ông M có yêu cầu xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 01/7/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Ngô Kim T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Cao Văn M tự nguyên chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Đ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 30/12/1996. Bà và ông M chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi nhau nên bà và ông M đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Về con chung: trong quá trình chung sống, bà và ông M không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ông Cao Văn M trình bày: ông không đồng ý ly hôn với bà T. Do sức khoẻ kém nên ông yêu cầu Toà án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt ông.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* bà Ngô Kim T, ông Cao Văn M vắng mặt tại phiên Toà nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông M.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* bà T và ông M chung sống trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 30/12/1996 nên quan hệ hôn nhân của ông, bà được coi là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, bà T cho rằng trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà T nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông M được nữa nên bà có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M. Ông M không đồng ý ly hôn với bà Thuỷ.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung T, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành thông báo các phiên hòa giải với mục đích là hòa giải cho bà Thuỷ và ông M đoàn tụ nhưng ông M xin vắng mặt vì lý do sức khoẻ. Đồng thời, từ khi biết bà Thuỷ khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đến nay, ông M cũng không đưa ra được biện pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân hiện tại của ông và bà Thuỷ. Tòa án cũng đã động viên bà Thuỷ hàn gắn với ông M vì ông M không đồng ý ly hôn nhưng bà Thuỷ vẫn kiên quyết xin ly hôn. Mặc khác, bà Thuỷ và ông M đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay. Thực tế bà Thuỷ và ông M không còn sống chung và chăm sóc, lo lắng với nhau như vợ chồng. Điều này chứng tỏ, tình trạng hôn nhân của bà Thuỷ và ông M đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc xin ly hôn của bà Thuỷ là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:* Bà T và ông M không có con chung.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà T khai không có.

[3] *Về án phí:* Bà T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Kim T. Bà Ngô Kim T được ly hôn với ông Cao Văn M.

2. *Về con chung:* ghi nhận bà Ngô Kim T và ông Cao Văn M không có con chung.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* bà Ngô Kim T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:* bà Ngô Kim T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001608 ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; bà T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- UBND xã Thuận Đ;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Đang**